

THIÊN NHIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CON NGƯỜI Ở MIỀN ĐỒNG BẰNG

Bài 11 ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

I – MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS biết :

- Chỉ vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Trình bày một số đặc điểm của đồng bằng Bắc Bộ (hình dạng, sự hình thành, địa hình, sông ngòi), vai trò của hệ thống đê ven sông.
- Dựa vào bản đồ, tranh, ảnh để tìm kiến thức.
- Có ý thức tôn trọng, bảo vệ các thành quả lao động của con người.

II – ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Tranh, ảnh về đồng bằng Bắc Bộ, sông Hồng, đê ven sông (do HS và GV sưu tầm).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU

1. Đồng bằng lớn ở miền Bắc

* *Hoạt động 1 : Làm việc cả lớp*

- GV chỉ vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam và yêu cầu HS dựa vào kí hiệu tìm vị trí đồng bằng Bắc Bộ ở lược đồ trong SGK.
- GV yêu cầu HS lên bảng chỉ vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ.
- GV chỉ bản đồ và nói cho HS biết đồng bằng Bắc Bộ có dạng hình tam giác với đỉnh ở Việt Trì, cạnh đáy là đường bờ biển.

* *Hoạt động 2 : Làm việc cá nhân hoặc theo từng cặp*

Bước 1 :

HS dựa vào ảnh đồng bằng Bắc Bộ, kệnh chữ trong SGK, trả lời các câu hỏi :

- + Đồng bằng Bắc Bộ do phù sa những sông nào bồi đắp nên ?
- + Đồng bằng có diện tích lớn thứ mấy trong các đồng bằng của nước ta ? (thứ 2 sau đồng bằng Nam Bộ).
- + Địa hình (bề mặt) của đồng bằng có đặc điểm gì ?

GV hướng dẫn HS quan sát hình 2 để nhận biết đồng bằng có địa hình thấp, bằng phẳng, sông chảy ở đồng bằng thường uốn lượn quanh co. Những nơi có màu sâm hơn là làng mạc của người dân.

Bước 2 :

- HS trình bày kết quả làm việc.
- HS chỉ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam vị trí, giới hạn và mô tả tổng hợp về hình dạng, diện tích, sự hình thành và đặc điểm địa hình của đồng bằng Bắc Bộ.

2. Sông ngòi và hệ thống đê ngăn lũ

* *Hoạt động 3 : Làm việc cả lớp*

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi (Quan sát hình 1...) của mục 2, sau đó lên bảng chỉ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam một số sông của đồng bằng Bắc Bộ.
 - GV cho HS liên hệ thực tiễn theo gợi ý : Tại sao sông có tên gọi là sông Hồng ? (vì có nhiều phù sa (cát, bùn trong nước) nên nước sông quanh năm có màu đỏ, do đó sông có tên là sông Hồng)
 - GV chỉ trên bản đồ Việt Nam sông Hồng và sông Thái Bình, đồng thời mô tả sơ lược về sông Hồng : Đây là con sông lớn nhất miền Bắc, bắt nguồn từ Trung Quốc, đoạn sông chảy qua đồng bằng Bắc Bộ chia thành nhiều nhánh đổ ra biển bằng nhiều cửa, có nhánh đổ sang sông Thái Bình như sông Đuống, sông Luộc. Sông Thái Bình do ba sông : sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam hợp thành. Đoạn cuối sông cũng chia thành nhiều nhánh và đổ ra biển bằng nhiều cửa.

- HS dựa vào vốn hiểu biết, trả lời câu hỏi : Khi mưa nhiều, nước sông ngòi, hồ, ao thường như thế nào ?
- HS dựa vào SGK, trả lời các câu hỏi :
 - + Mùa mưa của đồng bằng Bắc Bộ trùng với mùa nào trong năm ?
 - + Vào mùa mưa, nước các sông ở đây như thế nào ?
- GV có thể nói thêm về hiện tượng lũ lụt ở đồng bằng Bắc Bộ khi chưa có đê (nước các sông lên rất nhanh, cuồn cuộn tràn về làm ngập lụt cả đồng ruộng, cuồn trôi nhà cửa, phá hoại mùa màng, gây thiệt hại cho tính mạng và tài sản của người dân,...).

* *Hoạt động 4 : Thảo luận nhóm*

Bước 1 :

HS dựa vào kinh nghiệm trong SGK và vốn hiểu biết của bản thân để thảo luận theo gợi ý :

- Người dân đồng bằng Bắc Bộ đắp đê ven sông để làm gì ?
- Hệ thống đê ở đồng bằng Bắc Bộ có đặc điểm gì ?
- Ngoài việc đắp đê, người dân còn làm gì để sử dụng nước các sông cho sản xuất ?

Bước 2 :

- HS trình bày kết quả, thảo luận cả lớp để tìm kiến thức đúng.
- GV nói thêm về tác dụng của hệ thống đê, ảnh hưởng của hệ thống đê đối với việc bồi đắp đồng bằng (những vùng đất ở trong đê không được phủ thêm phù sa, nhiều nơi trở thành ô trũng,...) sự cần thiết phải bảo vệ đê ven sông ở đồng bằng Bắc Bộ.

Tổng kết bài : GV có thể yêu cầu HS lên chỉ bản đồ và mô tả về đồng bằng Bắc Bộ, về sông ngòi và hệ thống đê ven sông hoặc nói các mũi tên vào sơ đồ nói về mối quan hệ giữa khí hậu, sông ngòi và hoạt động cải tạo tự nhiên của người dân đồng bằng Bắc Bộ.

Ví dụ : Mùa hạ mưa nhiều → nước sông dâng lên rất nhanh → gây lũ lụt → đắp đê ngăn lũ.